

Số: 95 /CV-CTN

Đà Lạt, ngày 12 tháng 03 năm 2024

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Lâm Đồng thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng**

- Mã chứng khoán: **LDW**

- Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

- Điện thoại liên hệ: (0263) 3822 457

Fax: (0263) 3822 240

- Email: lawacoldg@gmail.com

Website: www.lawaco.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC tổng hợp năm 2023

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Vấn bản giải trình trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Vấn bản giải trình trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có Không

Văn bản giải trình trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại?

Có Không

Văn bản giải trình trường hợp tích có:

Có Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 12/03/2024 tại đường dẫn: <https://lawaco.com/Home/DanhMuc?danhmuctintuc=2015>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

-BCTC

-Văn bản giải trình

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hùng Cường



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ
International Auditing Company Limited



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	9 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Đình Tân	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên
Ông Trần Quốc Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên
Ông Đỗ Văn Hạ	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2023)
Ông Dương Tiến Dũng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2023)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân	Trưởng ban
Ông Phạm Văn Khoa	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2023)
Bà Nguyễn Thy Phương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2023)
Ông Trần Văn Thuận	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2023)
Bà Vy Thị Bé	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2023)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hùng Cường	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hùng Cường - Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hùng Cường
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 08 tháng 3 năm 2024

Số: 1815/2024/BCKT-ICPA.SG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 3 năm 2024, từ trang 4 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.



Lương Xuân Trường
Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1741-2023-072-1

Trần Thị Xuân Tước
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: N.4184-2022-072-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		648.388.717.645	639.976.541.359
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		38.871.824.358	34.833.300.809
1. Tiền	111	V.1	38.871.824.358	34.833.300.809
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		555.000.000.000	550.860.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.10	555.000.000.000	550.860.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		46.493.335.806	47.194.299.914
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	5.234.250.609	5.551.249.778
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.254.584.079	468.095.880
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	43.966.315.119	46.275.503.930
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(3.961.814.001)	(5.104.960.760)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	4.411.086
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	8.003.723.481	7.043.556.760
1. Hàng tồn kho	141		11.103.236.647	9.379.890.344
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.099.513.166)	(2.336.333.584)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.834.000	45.383.876
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	19.834.000	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	-	45.383.876

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		528.108.301.857	533.281.306.746
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	330.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	-	330.000.000
II. Tài sản cố định	220		446.366.670.936	473.630.911.617
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	445.025.146.054	472.217.891.079
- Nguyên giá	222		1.022.242.063.204	1.007.127.577.027
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(577.216.917.150)	(534.909.685.948)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	1.341.524.882	1.413.020.538
- Nguyên giá	228		2.108.591.000	2.033.591.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(767.066.118)	(620.570.462)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.476.219.649	748.686.373
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	1.476.219.649	748.686.373
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	63.345.252.238	38.675.252.238
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		11.125.252.238	11.125.252.238
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		52.220.000.000	27.550.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		16.920.159.034	19.896.456.518
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	10.637.879.499	12.536.949.897
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	449.615.593	221.805.631
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.13	5.832.663.942	7.137.700.990
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.176.497.019.502	1.173.257.848.105

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

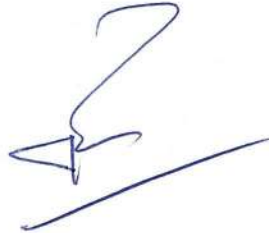
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		244.243.954.472	271.888.013.311
I. Nợ ngắn hạn	310		59.490.167.394	64.225.322.843
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	12.268.322.486	14.298.020.851
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	519.803.287	572.822.043
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	7.045.914.077	12.211.275.514
4. Phải trả người lao động	314		8.277.548.161	7.967.609.873
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	3.518.824.938	3.745.626.460
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	1.384.991.000	1.421.091.406
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	22.793.678.239	22.793.678.239
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	3.681.085.206	1.215.198.457
II. Nợ dài hạn	330		184.753.787.078	207.662.690.468
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	478.764.717	439.862.275
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	184.275.022.361	207.068.700.585
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	154.127.608
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		932.253.065.030	901.369.834.794
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	932.253.065.030	901.369.834.794
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		788.000.000.000	788.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		788.000.000.000	788.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		28.512.122.705	28.512.122.705
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		19.057.709.405	16.853.160.429
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.296.555.117	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		79.056.153.431	56.674.027.288
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		79.056.153.431	56.674.027.288
6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		11.330.524.372	11.330.524.372
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.176.497.019.502	1.173.257.848.105



Trần Thị Tuyết Ngọc
Người lập biểu



Bùi Hoàng Trường Vĩ
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Cường
Tổng Giám đốc


Ngày 08 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2023	2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	297.054.246.958	277.558.293.179
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		297.054.246.958	277.558.293.179
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	219.312.705.668	212.734.277.921
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		77.741.541.290	64.824.015.258
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	55.466.965.061	41.909.282.468
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	13.900.569.390	15.257.152.308
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.900.569.390	15.257.152.308
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.095.153.325	4.892.964.529
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	16.633.568.803	15.152.216.196
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		98.579.214.833	71.430.964.693
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.865.311.076	745.284.892
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.561.022.819	1.242.089.421
13. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40	VI.7	304.288.257	(496.804.529)
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		98.883.503.090	70.934.160.164
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	20.055.159.621	14.481.938.507
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.12	(227.809.962)	(221.805.631)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		79.056.153.431	56.674.027.288
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	611	486


Trần Thị Tuyết Ngọc
Người lập biểu


Bùi Hoàng Trường Vĩ
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Cường
Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số		
		2023	2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	322.129.215.691	300.589.610.067
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(141.453.577.300)	(129.306.046.437)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(47.991.240.655)	(45.665.917.009)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(14.062.176.491)	(15.425.378.247)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(23.428.978.597)	(8.464.585.712)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	11.521.402.613	7.315.131.881
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(60.042.735.406)	(44.803.578.161)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	46.671.909.855	64.239.236.382
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(15.852.186.859)	(18.496.787.652)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(579.670.000.000)	(313.410.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	550.860.000.000	300.844.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	54.608.878.777	25.223.268.395
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	9.946.691.918	(5.839.519.257)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(22.793.678.224)	(22.793.678.232)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(29.786.400.000)	(26.004.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(52.580.078.224)	(48.797.678.232)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	4.038.523.549	9.602.038.893
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	34.833.300.809	25.231.261.916
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	38.871.824.358	34.833.300.809


Trần Thị Tuyết Ngọc
Người lập biểu


Bùi Hoàng Trường Vĩ
Kế toán trưởng


Nguyễn Hùng Cường
Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng (doanh nghiệp 100 % vốn Nhà nước), được thành lập theo Quyết định số 2873/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Công ty thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt lộ trình sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc tỉnh Lâm Đồng và Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 8 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt cơ cấu vốn khi chuyển sang doanh nghiệp cổ phần.

Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800000174 ngày 22 tháng 6 năm 2018 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp và được cập nhật thay đổi vào ngày 7 tháng 5 năm 2021 do đăng ký bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ của Công ty là 788.000.000.000 đồng, được chia thành 78.800.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tọa lạc tại số 50 Hùng Vương, Phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh là: Lam Dong Water Supply and Sewerage Joint Stock Company, tên viết tắt là: Lawaco.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang giao dịch tại Upcom thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã cổ phiếu: LDW.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày ngày 01 tháng 01 năm 2023 lần lượt là 367 người và 368 người.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt phục vụ đô thị và công nghiệp; tư vấn thiết kế công trình xây dựng dân dụng, công trình cấp thoát nước; giám sát thi công công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi; lập dự án đầu tư xây dựng công trình; thẩm tra dự án đầu tư; đánh giá tác động môi trường; thiết kế dự toán xây dựng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; thi công xây dựng công trình cấp thoát nước, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, khu du lịch, khu nghỉ dưỡng, vườn sinh thái; sản xuất và kinh doanh dịch vụ, vật tư ngành nước; kinh doanh dịch vụ du lịch tham quan, nghỉ dưỡng; quy hoạch xây dựng hệ thống cấp thoát nước; tư vấn lập quy hoạch, xây dựng hệ thống cấp thoát nước, tư vấn lập hồ sơ mời thầu, xét thầu, tư vấn quản lý dự án; khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, môi trường.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt phục vụ đô thị và công nghiệp; xử lý nước thải; thi công xây dựng công trình cấp thoát nước.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc của Công ty bao gồm:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Nhà máy nước Lâm Hà	Thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Bảo Lâm	Thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đạ Tẻh	Khu phố 6A, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đơn Dương	Thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đạ Huoai	Thị trấn Mađaguôi, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đam Rông	Thị trấn Bằng Lãng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp xử lý nước thải	Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp tư vấn cấp thoát nước	Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp xây lắp cấp thoát nước	Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp Quản lý thủy lượng kế	Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào hai (02) công ty liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích (%)</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ (%)</u>	<u>Hoạt động chính</u>
1. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh	Tỉnh Lâm Đồng	37,01%	37,01%	Khai thác, kinh doanh nước sạch
2. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng	Tỉnh Lâm Đồng	32,10%	32,10%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP VÀ NĂM TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Các thiết bị, vật tư, phụ tùng được dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường cho mục đích thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản cố định được ghi nhận là tài sản dài hạn.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị thuần (sau khi đã trừ dự phòng giảm giá, nếu có). Dự phòng giảm giá của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành tương tự như hàng tồn kho của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Số năm

Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 10
Tài sản cố định khác	4 - 25

Các tài sản cố định hữu hình của Công ty được đánh giá lại khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của chương trình phần mềm, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng được cấp.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm hệ thống đường ống nhánh, lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Hệ thống đường ống nhánh

Chi phí Công ty bỏ ra để đầu tư hệ thống đường ống nhánh được ghi nhận như một khoản chi phí trả trước dài hạn, phân bổ theo định mức với đơn giá 297 đồng/m³ đến ngày 27 tháng 10 năm 2023, từ ngày 28 tháng 10 năm 2023 với đơn giá 244 đồng/m³ ghi thu theo quy định về cơ cấu giá thành sản xuất nước do Sở Tài chính và Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành.

Đối với phần giá trị tăng thêm của hệ thống đường ống nhánh khi xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, Công ty thực hiện phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng hữu ích 10 năm.

Công cụ, dụng cụ và các khoản chi phí trả trước khác

Công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa không quá 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính tổng hợp dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay và nợ phải trả về thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính nhưng không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu các khoản này được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản là số vốn thực tế được Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng cấp phục vụ cho việc đầu tư xây dựng cơ bản các công trình công ích. Khi công trình hoàn thành và nghiệm thu quyết toán, Công ty được ghi tăng tài sản cố định và nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định. Đây là các tài sản mà Công ty vận hành và quản lý thay cho Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng của Công ty chủ yếu là doanh thu từ hoạt động cung cấp nước sạch cho người dân trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng với đơn giá nước áp dụng theo Quyết định của Ủy ban Nhân dân tỉnh cho từng thời kỳ. Đơn giá bán nước chỉ được điều chỉnh sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập từ các khoản đầu tư tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính tổng hợp và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

Thông tin bộ phận

Doanh thu của Công ty chủ yếu là từ mảng kinh doanh, cung cấp nước sinh hoạt. Đồng thời, toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**1. Tiền**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt	161.938.966	116.677.273
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	38.709.885.392	34.716.623.536
Cộng	38.871.824.358	34.833.300.809

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu tiền sử dụng nước sinh hoạt Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Công trình Thủy lợi Đà Lạt	2.272.662.365	2.004.963.755
Các khoản phải thu khách hàng khác	705.198.591	1.279.582.360
Cộng	5.234.250.609	5.551.249.778

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty TNHH Việt Thanh Sơn	992.314.078	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp thoát Nước Lâm Đồng	206.195.000	206.195.000
Công ty TNHH Sài Gòn Kỹ Thuật	-	201.039.880
Các nhà cung cấp khác	56.075.001	60.861.000
Cộng	1.254.584.079	468.095.880

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**4. Phải thu khác**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
a. Ngắn hạn		
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	39.721.961.425	38.521.622.933
Ban quản lý dự án thoát nước và xử lý nước thải (i)	2.262.265.200	3.688.211.187
Thù lao Hội đồng Quản trị chờ quyết toán (ii)	918.080.000	1.087.600.000
Phải thu Nhà nước liên quan đến dự án thoát nước và xử lý nước thải thành phố Đà Lạt	-	1.587.664.778
Phải thu về cổ tức được chia	-	342.252.208
Các khoản phải thu khác	1.064.008.494	1.048.152.824
	43.966.315.119	46.275.503.930
b. Dài hạn		
Các khoản ký quỹ	-	330.000.000
Tổng cộng phải thu khác	43.966.315.119	46.605.503.930
Trong đó, số dư phải thu bên liên quan:		
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Dĩ Linh	-	342.252.208

(i) Đây là khoản chi phí quản lý vượt định mức của Ban quản lý dự án thuộc dự án thoát nước và xử lý nước thải. Dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về khả năng thu hồi, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng toàn bộ giá trị cho khoản phải thu này trong các năm tài chính trước. Trong năm, Công ty đã thu hồi được số tiền 1.425.945.987 đồng (xem thêm tại *Thuyết minh VI.7*).

(ii) Đây là khoản tạm ứng thù lao năm 2023 cho Hội đồng Quản trị Công ty. Khoản thù lao này sẽ được giảm trừ vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**5. Nợ xấu**

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.699.548.801	-	(1.699.548.801)	1.416.749.573	-	(1.416.749.573)
Phải thu ngắn hạn khác	2.262.265.200	-	(2.262.265.200)	3.688.211.187	-	(3.688.211.187)
Cộng	3.961.814.001	-	(3.961.814.001)	5.104.960.760	-	(5.104.960.760)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	(5.104.960.760)	(5.192.276.281)
Trích lập dự phòng trong năm	(314.286.288)	(178.294.715)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	1.457.433.047	265.610.236
Số dư cuối năm	(3.961.814.001)	(5.104.960.760)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	9.508.019.133	(3.099.513.166)	8.190.514.665	(2.336.333.584)
Công cụ, dụng cụ	1.558.566.733	-	1.039.424.084	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	36.650.781	-	149.951.595	-
Cộng	11.103.236.647	(3.099.513.166)	9.379.890.344	(2.336.333.584)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	(2.336.333.584)	(1.409.599.645)
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	(1.153.239.074)	(945.218.999)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	6.781.894	18.485.060
Thanh lý hàng tồn kho trong năm	383.277.598	-
Số dư cuối năm	(3.099.513.166)	(2.336.333.584)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2023	207.861.139.847	62.186.227.574	648.846.540.325	45.236.644.832	42.997.024.449	1.007.127.577.027
Mua trong năm	-	3.359.837.989	3.389.588.849	122.523.134	-	6.871.949.972
Xây dựng cơ bản hoàn thành	460.888.197	1.957.942.637	5.912.396.228	63.759.306	-	8.394.986.368
Giảm khác (i)	(67.558.079)	(55.026.378)	(28.520.488)	(1.345.218)	-	(152.450.163)
Tại ngày 31/12/2023	208.254.469.965	67.448.981.822	658.120.004.914	45.421.582.054	42.997.024.449	1.022.242.063.204
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2023	119.724.653.537	28.913.908.359	346.214.736.337	25.710.773.013	14.345.614.702	534.909.685.948
Khấu hao trong năm	8.937.307.534	4.347.669.905	22.926.515.686	4.357.854.721	1.737.883.356	42.307.231.202
Tại ngày 31/12/2023	128.661.961.071	33.261.578.264	369.141.252.023	30.068.627.734	16.083.498.058	577.216.917.150
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2023	88.136.486.310	33.272.319.215	302.631.803.988	19.525.871.819	28.651.409.747	472.217.891.079
Tại ngày 31/12/2023	79.592.508.894	34.187.403.558	288.978.752.891	15.352.954.320	26.913.526.391	445.025.146.054

(i) Nguyên giá tài sản giảm trong năm là các khoản điều chỉnh theo giá trị quyết toán của dự án Nhà máy nước Phát Chi.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 lần lượt là 28.922.396.630 đồng và 19.599.958.881 đồng.

Công ty đã sử dụng một số tài sản để bảo đảm cho các khoản vay theo hiệp định với Bộ Tài chính. Giá trị còn lại của các tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 lần lượt là 280.446.352.759 đồng và 297.386.974.173 đồng (xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số V.19).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**8. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2023	737.591.000	1.296.000.000	2.033.591.000
Mua trong năm	-	75.000.000	75.000.000
Tại ngày 31/12/2023	737.591.000	1.371.000.000	2.108.591.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2023	194.573.751	425.996.711	620.570.462
Khấu hao trong năm	14.751.820	131.743.836	146.495.656
Tại ngày 31/12/2023	209.325.571	557.740.547	767.066.118
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2023	543.017.249	870.003.289	1.413.020.538
Tại ngày 31/12/2023	528.265.429	813.259.453	1.341.524.882

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Các dự án cải tạo đường ống cấp nước	1.379.779.649	748.686.373
Các dự án khác	96.440.000	-
Cộng	1.476.219.649	748.686.373

Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	748.686.373	7.952.760.520
Chi phí đầu tư trong năm	13.112.225.463	18.756.188.228
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(8.394.986.368)	(22.643.874.528)
Kết chuyển sang chi phí trả trước	(3.088.594.859)	(2.506.711.875)
Ghi nhận vào chi phí trong năm	(901.110.960)	(809.675.972)
Số dư cuối năm	1.476.219.649	748.686.373

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**10. Các khoản đầu tư tài chính****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	555.000.000.000	555.000.000.000	550.860.000.000	550.860.000.000
Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	52.220.000.000	52.220.000.000	27.550.000.000	27.550.000.000
Tổng cộng	607.220.000.000	607.220.000.000	578.410.000.000	578.410.000.000

Theo nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng Quản trị Công ty, tiền thu được từ bán cổ phần được giữ lại để đầu tư phát triển Công ty. Hiện nay, phần lớn số tiền đang được gửi tại các ngân hàng thương mại và việc này tiếp tục được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019. Công ty được hưởng mức lãi suất trong năm dao động từ 5,70% đến 11,70%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**10. Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)**b) Đầu tư vào công ty liên kết**

	31/12/2023			01/01/2023		
	Cổ phiếu nắm giữ	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Cổ phiếu nắm giữ	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh	583.474	5.658.526.204	-	554.365	5.658.526.204	-
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng	433.350	5.466.726.034	-	433.350	5.466.726.034	-
Cộng		11.125.252.238	-		11.125.252.238	-

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh bao gồm 57.737 cổ phiếu nhận được do Công ty liên kết này chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2020 và 2023, tương đương với tổng mệnh giá 577.370.000 đồng. Theo quy định của chế độ kế toán hiện hành, Công ty không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu tài chính khi nhận cổ tức bằng cổ phiếu mà chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu được nhận trên thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho đến khi chuyển nhượng cổ phiếu này.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết chưa được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**11. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Tiền cấp quyền khai thác nước	19.834.000	-
b. Dài hạn		
Giá trị tăng thêm do đánh giá lại hệ thống ống nhánh (i)	8.538.058.739	10.437.139.446
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.099.820.760	2.099.810.451
Cộng	10.637.879.499	12.536.949.897
Tổng cộng	10.657.713.499	12.536.949.897

(i) Đây là giá trị tăng thêm do đánh giá lại hệ thống đường ống nhánh theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa. Công ty thực hiện phân bổ chi phí này trong vòng 10 năm. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh được 5 năm.

Tình hình biến động các khoản chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2023	2022
	VND	VND
Số dư đầu năm	12.536.949.897	17.826.641.383
Phát sinh trong năm	1.301.660.395	1.247.862.904
Xây dựng cơ bản hoàn thành	756.642.510	487.184.149
Phân bổ chi phí trong năm	(3.957.373.303)	(7.024.738.539)
Số dư cuối năm	10.637.879.499	12.536.949.897

12. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho VND
Tại ngày 01/01/2022	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	221.805.631
Tại ngày 01/01/2023	221.805.631
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	227.809.962
Tại ngày 31/12/2023	449.615.593

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để tính thuế hoãn lại 20%

Công ty ghi nhận chi phí tổn thất của hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ thanh lý hàng tồn kho. Do vậy các khoản dự phòng đã trích lập cho những hàng tồn kho này đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được loại trừ khỏi chi phí tính thuế khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp với tổng giá trị là 2.281.474.885 đồng. Công ty có thể sử dụng khoản chi phí này để khấu trừ vào thu nhập tính thuế trong tương lai khi Công ty thực hiện thanh lý các hàng tồn kho này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**13. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	5.832.663.942	-	7.137.700.990	-

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kì	10.762.555.952	10.762.555.952	10.576.016.035	10.576.016.035
Trung tâm Quản lý Đầu tư & Khai thác Thủy lợi Lâm Đồng	749.204.460	749.204.460	573.237.900	573.237.900
Công ty Cổ phần Cấp nước Tuyền Lâm	-	-	767.684.000	767.684.000
Các đối tượng khác	756.562.074	756.562.074	2.381.082.916	2.381.082.916
Cộng	12.268.322.486	12.268.322.486	14.298.020.851	14.298.020.851

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty Cổ phần Hoàng Gia DL	200.343.892	-
Ban Quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng Công trình Công cộng	98.039.500	-
Khách hàng lắp đặt đường ống nhánh	21.527.895	86.811.543
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Petrolimex Lâm Đồng	-	247.220.000
Các đối tượng khác	199.892.000	238.790.500
Cộng	519.803.287	572.822.043

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	01/01/2023 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2023 VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	45.383.876	45.383.876	-	-
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.051.131.204	7.776.041.545	8.270.704.760	556.467.989
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.870.035.823	20.057.070.803	23.428.978.597	4.498.128.029
Thuế thu nhập cá nhân	-	981.673.727	783.641.841	198.031.886
Phí bảo vệ môi trường	3.128.909.518	20.487.072.648	21.914.503.419	1.701.478.747
Thuế tài nguyên	161.198.969	1.054.793.306	1.124.184.849	91.807.426
Tiền thuê đất	-	302.527.453	302.527.453	-
Các khoản phải nộp khác	-	15.000.000	15.000.000	-
Cộng	12.211.275.514	50.674.179.482	55.839.540.919	7.045.914.077

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí lãi vay	1.633.768.984	1.795.376.085
Chi phí bảo vệ môi trường và nước thải còn phải chi	1.885.055.954	1.660.394.900
Các khoản chi phí phải trả khác	-	289.855.475
Cộng	3.518.824.938	3.745.626.460

18. Phải trả khác

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
a. Ngắn hạn		
Các khoản phải trả về cổ phần hóa	817.283.299	817.283.299
Các khoản phải trả khác	567.707.701	603.808.107
Cộng	1.384.991.000	1.421.091.406
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	478.764.717	439.862.275
Tổng cộng	1.863.755.717	1.860.953.681

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**19. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2023		Phát sinh trong năm		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
a. Ngắn hạn						
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh b)	22.793.678.239	22.793.678.239			22.793.678.239	22.793.678.239
b. Dài hạn						
Vay tài trợ dự án cấp nước thành phố Đà Lạt (i)	168.316.782.260	168.316.782.260	-	16.831.678.181	185.148.460.441	185.148.460.441
Vay tài trợ tiểu dự án cấp nước tỉnh Lâm Đồng (ii)	38.751.918.340	38.751.918.340	-	5.962.000.043	44.713.918.383	44.713.918.383
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(22.793.678.239)	(22.793.678.239)			(22.793.678.239)	(22.793.678.239)
Cộng	184.275.022.361	184.275.022.361			207.068.700.585	207.068.700.585
Tổng cộng khoản vay	207.068.700.600	207.068.700.600	-	22.793.678.224	229.862.378.824	229.862.378.824

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**19. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay***(i) Khoản vay tài trợ dự án cấp nước thành phố Đà Lạt:*

Khoản vay được thực hiện theo hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính Việt Nam và Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Lâm Đồng (nay là Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng) ngày 28 tháng 12 năm 2011 về việc sử dụng một phần khoản tín dụng số 4948-VN của Hiệp hội Phát triển Quốc tế IDA. Mục đích là để tài trợ vốn để đầu tư xây dựng nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Đà Lạt thuộc dự án cấp nước và nước thải đô thị. Hạn mức khoản vay tối đa 13.184.521 Đô la Mỹ, tương đương 274.422.627.526 đồng tại thời điểm phê duyệt. Thời hạn vay là 20 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi vay áp dụng trong suốt thời gian vay là 6,75%/năm, cộng thêm phí 0,2%/năm cho số dư nợ vay tùy từng thời điểm. Tài sản đảm bảo và thế chấp cho khoản vay này bao gồm nhà văn phòng điều hành tại 50 Hùng Vương, Phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; trạm bơm tăng áp Hùng Vương, 6 bể chứa (Mộng Mơ, Thái Phiên, Resimair, Măng Lin, Cao Thắng, Vạn Thành) và hệ thống tuyến ống chuyên tải, phân phối, dịch vụ và thiết bị đầu nối hộ gia đình của dự án nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước và nước thải đô thị thành phố Đà Lạt.

(ii) Khoản vay tài trợ tiểu dự án cấp nước tỉnh Lâm Đồng:

Khoản vay được thực hiện theo hiệp định vay lại giữa Bộ Tài chính Việt Nam và Công ty ngày 16 tháng 12 năm 2009 về việc sử dụng một phần khoản tín dụng số 4028-VN của Hiệp hội phát triển quốc tế IDA. Mục đích là để tài trợ vốn cho tiểu Dự án cấp nước sinh hoạt cho 6 thị trấn thuộc địa phận tỉnh Lâm Đồng, bao gồm: Thị trấn Tân Hà, huyện Lâm Hà; Thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà; Thị trấn Mađaguôi, huyện Đạ Huoai; Thị trấn Đambri, huyện Đạ Huoai; Thị trấn Đ'ran, huyện Đơn Dương; Thị trấn Bằng Lãng, huyện Đam Rông trong khuôn khổ Dự án Phát triển Cấp nước Đô thị Việt Nam. Hạn mức khoản vay tối đa 137,96 tỷ đồng. Thời hạn vay là 20 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi suất vay áp dụng trong suốt thời gian vay là 3%/năm. Tài sản thế chấp cho khoản vay này bao gồm máy móc thiết bị, tuyến ống, đường nội bộ, các công trình phụ trợ và bể nước; nhà hành chính, nhà kho, nhà hóa chất, công trình thu nước (công trình thu, trạm bơm nước thô), trạm bơm tăng áp của 6 nhà máy cấp nước (Tân Hà, Nam Ban, Mađaguôi, Đambri, Đ'ran, Bằng Lãng) thuộc dự án phát triển cấp nước đô thị Việt Nam.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Trong vòng một năm	22.793.678.239	22.793.678.239
Trong năm thứ hai	22.793.678.239	22.793.678.239
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	68.381.034.723	68.381.034.723
Sau năm năm	93.100.309.399	115.893.987.623
Cộng	207.068.700.600	229.862.378.824
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(22.793.678.239)	(22.793.678.239)
Số phải trả sau 12 tháng	184.275.022.361	207.068.700.585

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	1.215.198.457	4.388.494.339
Trích lập quỹ trong năm	17.008.923.195	3.910.951.663
Sử dụng quỹ trong năm	(14.543.036.446)	(7.084.247.545)
Số dư cuối năm	3.681.085.206	1.215.198.457

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	788.000.000.000	28.512.122.705	1.200.937.430	12.206.383.925	34.458.390.737	11.330.524.372	875.708.359.169
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	56.674.027.288	-	56.674.027.288
Chia cổ tức	-	-	-	-	(26.004.000.000)	-	(26.004.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.910.951.663)	-	(3.910.951.663)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	3.445.839.074	(3.445.839.074)	-	-
Thù lao của ban điều hành	-	-	-	-	(1.097.600.000)	-	(1.097.600.000)
Đầu tư tài sản từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	15.652.222.999	(15.652.222.999)	-	-	-
Tại ngày 01/01/2023	788.000.000.000	28.512.122.705	16.853.160.429	-	56.674.027.288	11.330.524.372	901.369.834.794
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	79.056.153.431	-	79.056.153.431
Chia cổ tức	-	-	-	-	(29.786.400.000)	-	(29.786.400.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(17.008.923.195)	-	(17.008.923.195)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	8.501.104.093	(8.501.104.093)	-	-
Thù lao của ban điều hành	-	-	-	-	(1.377.600.000)	-	(1.377.600.000)
Đầu tư tài sản từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.204.548.976	(2.204.548.976)	-	-	-
Tại ngày 31/12/2023	788.000.000.000	28.512.122.705	19.057.709.405	6.296.555.117	79.056.153.431	11.330.524.372	932.253.065.030

Việc trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển trong kỳ và quyết toán thù lao cho Hội đồng Quản trị, ban kiểm soát năm 2022 được thực hiện theo nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 27 tháng 5 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Tên cổ đông	Tại ngày 31/12/2023 và 01/01/2023		
	Số lượng Cổ phần	Tỷ lệ (%)	Giá trị VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	31.512.924	39,99%	315.129.240.000
Bà Trương Thị Mỹ An	13.975.893	17,74%	139.758.930.000
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Thủy Anh	12.502.601	15,87%	125.026.010.000
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	10.735.182	13,62%	107.351.820.000
Công ty Cổ phần Golden Stream	9.000.000	11,42%	90.000.000.000
Các cổ đông khác	1.073.400	1,36%	10.734.000.000
Cộng	78.800.000	100,00%	788.000.000.000

c) Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	78.800.000	78.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	78.800.000	78.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	78.800.000	78.800.000
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu	78.800.000	78.800.000

d) Cổ tức

Theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 27 tháng 5 năm 2023, cổ tức năm 2022 đã được phê duyệt với tổng số tiền là 29.786.400.000 đồng, tương ứng mức 378 đồng/cổ phiếu đang lưu hành. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã thanh toán toàn bộ cổ tức năm 2022 cho các cổ đông.

Cổ tức năm 2023 theo kế hoạch sẽ được chi trả với tỷ lệ lớn hơn hoặc bằng 3,95%, tương ứng 395 đồng/cổ phiếu đang lưu hành. Mức chi trả cổ tức cuối cùng sẽ được phê duyệt tại Đại Hội đồng cổ đông thường niên của năm tiếp theo.

22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**a) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2023 Ngoại tệ	01/01/2023 Ngoại tệ
Tiền Đôla Mỹ (USD)	67,15	67,50

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công nợ tiền nước từ trước năm 1999	23.958.182	23.958.182
Các khoản phải thu khác	13.578.000	13.578.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2023 VND	2022 VND
Doanh thu kinh doanh nước sạch	269.688.674.080	248.624.554.170
Doanh thu xử lý nước thải	18.416.339.161	17.829.133.058
Doanh thu xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	8.112.460.038	9.925.404.893
Doanh thu khác	836.773.679	1.179.201.058
Cộng	297.054.246.958	277.558.293.179

2. Giá vốn hàng bán

	2023 VND	2022 VND
Giá vốn kinh doanh nước sạch	195.506.526.299	188.840.694.916
Giá vốn xử lý nước thải	14.965.685.025	14.481.620.710
Giá vốn xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	6.649.953.097	7.734.431.671
Giá vốn khác	1.044.084.067	750.796.685
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	1.146.457.180	926.733.939
Cộng	219.312.705.668	212.734.277.921

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	2023 VND	2022 VND
Lãi tiền gửi	55.033.615.061	41.083.680.260
Cổ tức được chia	433.350.000	825.602.208
Cộng	55.466.965.061	41.909.282.468

Trong đó, doanh thu tài chính phát sinh từ các bên liên quan:

Cổ tức được chia từ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng	433.350.000	433.350.000
Cổ tức được chia từ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh	-	392.252.208
Cộng	433.350.000	825.602.208

4. Chi phí tài chính

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lãi vay	13.900.569.390	15.257.152.308

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	2023 VND	2022 VND
Chi phí duy trì đầu nổi	4.058.068.383	4.867.802.677
Chi phí mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	37.084.942	25.161.852
Cộng	4.095.153.325	4.892.964.529

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.245.177.868	4.979.219.649
Chi phí đồ dùng văn phòng	222.407.598	273.763.401
Chi phí khấu hao tài sản cố định	406.881.295	289.556.457
Thuế, phí và lệ phí	182.647.491	328.336.777
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	282.799.188	(104.562.474)
Chi phí mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	10.293.655.363	9.385.902.386
Cộng	16.633.568.803	15.152.216.196

7. Thu nhập và chi phí khác

	2023 VND	2022 VND
Thu nhập khác		
Thu hồi chi phí Ban quản lý dự án thoát nước và xử lý nước thải	1.425.945.947	-
Thu nhập từ cho thuê tuyến ống truyền tải	227.272.728	454.545.454
Các khoản thu nhập khác	212.092.401	290.739.438
Cộng	1.865.311.076	745.284.892
Chi phí khác		
Chi phí khấu hao tài sản không sử dụng	1.043.623.849	1.057.790.515
Chi phí bồi thường phải nộp	286.158.577	-
Các khoản phạt vi phạm hành chính, thuế	144.829.142	-
Các khoản chi phí khác	86.411.251	184.298.906
Cộng	1.561.022.819	1.242.089.421
Lợi nhuận/(lỗ) khác	304.288.257	(496.804.529)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (tiếp theo)**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	98.883.503.090	70.934.160.164
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Chi phí không được trừ	2.956.960.165	2.301.134.580
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(2.027.612.818)	(1.093.384.563)
Thu nhập chịu thuế	99.812.850.437	72.141.910.181
Chuyển lỗ	-	-
Thu nhập tính thuế	99.812.850.437	72.141.910.181
Hoàn nhập quỹ khoa học và công nghệ	154.127.608	267.782.355
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung năm trước	61.764.012	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.055.159.621	14.481.938.507

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	108.407.598.822	105.719.780.104
Chi phí nhân công	59.648.419.983	58.363.490.177
Chi phí khấu hao tài sản cố định	41.410.103.009	39.979.101.633
Chi phí duy trì đầu nổi	4.058.068.383	4.867.802.677
Chi phí dự phòng	1.429.256.368	822.171.465
Chi phí mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	25.087.981.231	23.027.112.590
Cộng	240.041.427.796	232.779.458.646

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	79.056.153.431	56.674.027.288
Trừ: Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao, khen thưởng ban điều hành	(30.936.922.744)	(18.386.523.195)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	48.119.230.687	38.287.504.093
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	78.800.000	78.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	611	486

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ so sánh đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ so sánh nhằm phản ánh ảnh hưởng của quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế chính thức của năm 2022 theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 27 tháng 5 năm 2023.

Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao, khen thưởng ban điều hành kỳ này giảm trừ vào lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu là số ước tính dựa trên kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 mà Ban Tổng Giám đốc Công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông trong cuộc họp Đại hội thường niên sắp tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng	Công ty liên kết
Ông Phan Đình Tân	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên hội đồng quản trị, kiêm Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Hùng	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Đỗ Văn Hạ	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên hội đồng quản trị, kiêm Phó Tổng Giám đốc

Các số dư và giao dịch trọng yếu với các bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh khác trong bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp này.

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm:

Họ tên	Chức vụ	2023 VND	2022 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc			
Ông Phan Đình Tân	Chủ tịch HĐQT	602.393.416	378.274.000
	Thành viên HĐQT		
Ông Nguyễn Hùng Cường	kiêm Tổng Giám đốc	1.318.376.637	1.122.404.001
Ông Trần Quốc Hùng	Thành viên	236.888.850	164.667.000
	Thành viên HĐQT kiêm		
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	899.145.851	761.541.700
Ông Đỗ Văn Hạ	Thành viên HĐQT	65.920.000	-
Ông Dương Tiến Dũng	Thành viên (đã miễn nhiệm)	170.968.850	164.667.000
		3.293.693.604	2.591.553.700
Ban kiểm soát			
Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân	Trưởng ban	600.959.387	316.133.000
Ông Phạm Văn Khoa	Thành viên	43.840.000	-
Bà Nguyễn Thy Phương	Thành viên	43.840.000	-
Ông Trần Văn Thuận	Thành viên (đã miễn nhiệm)	96.636.104	103.831.000
Bà Vy Thị Bé	Thành viên (đã miễn nhiệm)	77.388.736	56.240.000
Bà Trần Thị Thủy	Thành viên (đã miễn nhiệm)	6.400.000	46.081.000
		869.064.227	522.285.000
Ông Bùi Hoàng Trường Vĩ	Kế toán trưởng	595.682.427	550.487.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. Cam kết thuê hoạt động**

Công ty ký hợp đồng thuê đất số 134/HD-TD thửa đất tại 50 Hùng Vương, thành phố Đà Lạt. Thời hạn thuê đất là 50 năm kể từ ngày 12 tháng 5 năm 2014. Tổng diện tích khu đất thuê là 1.671,91 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Ngoài ra, Công ty còn thực hiện thuê đất của Nhà nước tại các địa điểm khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng để sử dụng cho mục đích làm cơ sở sản xuất kinh doanh.

Đơn giá tính tiền thuê đất sẽ được xác định và điều chỉnh lại theo từng thời kỳ dựa theo các quy định của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

3. Cam kết không hủy ngang

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các cam kết không hủy ngang như sau:

- Hợp đồng mua sỉ nước sạch từ Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia.
- Hợp đồng cung ứng dịch vụ xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thành phố Đà Lạt với Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Công trình Thủy lợi Đà Lạt. Đơn giá đặt hàng đã bao gồm thuế giá trị gia tăng là 6.261 đồng/m³, trong đó các tổ chức cá nhân đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải chi trả 3.198 đồng/m³ và ngân sách cấp 3.063 đồng/m³.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

5. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 23 tháng 02 năm 2024, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐQT về việc sẽ không tham gia góp vốn vào Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh và lập tờ trình trình Đại hội đồng Cổ đông Công ty xin được thoái phần vốn hiện có tại Công ty liên kết này.

Ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần được điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính tổng hợp này.



Trần Thị Tuyết Ngọc
Người lập biểu



Bùi Hoàng Trường Vĩ
Kế toán trưởng



Nguyễn Hưng Cường
Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 3 năm 2024